

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2018
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Sơn
2. Ông Nguyễn Hữu Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương là thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/1/2018 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1952

Địa chỉ: 5/92A. Bly, TH.APTONA, Australia.

Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng của ông V: Bà Trần Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đông Hải, xã LH, huyện PQ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đông Hải, xã LH, huyện PQ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị Tvắng mặt và đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai đề ngày 29/11/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Do giới thiệu người quen ông và bà Trần Thị T tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2009 ngày 07/9/2009.

Sau khi kết hôn ông không sống với bà T mà phải về lại Australia. Sau đó ông có làm thủ tục bảo lãnh để bà T qua Australia để đoàn tụ gia đình, nhưng không được. Từ năm 2010 đến nay vợ chồng rất ít liên lạc, do hoàn cảnh địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mỗi người có cuộc sống riêng và không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không chung sống với nhau một ngày nào, đã hết yêu thương nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều nên không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đề ngày 15/1/2018, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V quen nhau năm 2007. Sau đó chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2009 ngày 07/9/2009. Ông V là Việt kiều, nên sau khi đăng ký xong ông V quay lại Úc, trong năm 2009 ông V còn liên lạc với bà, từ năm 2010 trở đi ông V không còn liên lạc qua lại với bà. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đồng ý việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều nên không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị T đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn không có yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện nên thuộc trường hợp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Theo bản tự khai của bị đơn đề ngày 15/1/2018, bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tổ tụng đúng quy định, đương sự chấp hành pháp luật; Về nội dung: Hiện nay ông Nguyễn văn V, bà Trần Thị T mỗi người ở một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nay tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, do vậy đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc hai bên tự nguyện yêu cầu và đồng ý ly hôn là căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V. Đề nghị HĐXX sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tại “Đơn xin vắng mặt tại Tòa án” của ông Nguyễn Văn Vinh đề ngày 29/11/2017 và “Đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt” đề ngày 15/01/2018 của bà Trần Thị T, đều xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn V, bà Trần Thị T phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết việc ly hôn với bà Trần Thị T, nguyên đơn đang định cư ở nước ngoài. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2007 và đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2009 ngày 07/9/2009 và không vi phạm quy định cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của họ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mặc dù, ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện, nhưng sau đó hai bên chỉ chung sống một thời gian ngắn nên tình cảm chưa thật sự gắn bó. Từ năm 2009 sau khi đăng ký kết hôn ông Nguyễn Văn V đã về sinh sống ở Australia, bà Trần Thị T sinh sống ở Việt Nam, hai bên đã có cuộc sống riêng và không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Ông Nguyễn Văn V không về Việt Nam, bà Trần Thị T cũng không thể xuất cảnh sang Australia để vợ chồng đoàn tụ, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mặc dù giữa hai bên không có mâu thuẫn gây gắt nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn, nên mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Ông Nguyễn Văn V yêu cầu ly hôn và đã được bà Trần Thị T đồng ý là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 104 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống, ông V, bà T không có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không có ai nợ tiền hoặc tài sản của vợ chồng. Hai đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điều 9, khoản 1 Điều 11, Điều 90, Điều 91, Điều 100, Điều 101, Điều 102, Điều 104 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Trần Thị T.

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020973 ngày 15/1/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Nhac Lương Thanh Sơn

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Nhạc Lương Thanh Sơn

Nguyễn Thị Ngọc Giàu